

Thứ hai, ngày 13 tháng 3 năm 2023

Vietnam Daily Review

VN-Index đóng cửa dưới mốc tham chiếu

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 14/3/2023		•	
Tuần 13/3-17/3/2023		•	
Tháng 03/2023		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Thị trường tiến lên ngưỡng 1,055 trong phiên sáng, sau đó bật trở lại và giằng co trong vùng 1,050-1,055 trong cả phiên chiều trước khi đóng cửa tại mốc 1,052.8 điểm, gần như không thay đổi so với phiên trước đó. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 12/19 ngành giảm điểm, trong đó Du lịch và Giải trí dẫn đầu đà giảm. Ở chiều ngược lại, Bất động sản lại tăng tốt trong phiên hôm nay. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Hiện tại, VN-Index vẫn đang có xu hướng tích lũy trong vùng 1,050-1,060 và có thể tiếp tục xu hướng này trong ngắn hạn.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL giảm theo nhịp vận động của VN30. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 13/3/2023, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

Điểm nhấn:

- VN-Index **-0.2** điểm, đóng cửa **1052.8** điểm. HNX-Index **-2.01** điểm, đóng cửa **205.85** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VHM (+2.07)**, **VPB (+1.86)**, **VRE (+0.64)**, **GAS (+0.53)**, **SAB (+0.23)**.
- Kéo chỉ số giảm: **BID (-1.14)**, **VCB (-0.71)**, **HVN (-0.53)**, **STB (-0.47)**, **TCB (-0.35)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **8,852** tỷ đồng, tăng **13.46%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức **11,226** tỷ đồng.
- Biên độ dao động: **10.12** điểm. Thị trường có **114** mã tăng, **61** mã tham chiếu, **288** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **841.47** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **HPG (98.01 tỷ)**, **SSI (88.68 tỷ)**, **VHM (87.22 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **21.3** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

anhvv@bsc.com.vn

VN-INDEX **1052.80**

Giá trị: 8852.38 tỷ

-0.2 (-0.01%)

Khối ngoại (ròng): 841.47 tỷ

HNX-INDEX **205.85**

Giá trị: 744.78 tỷ

-2.01 (-0.97%)

Khối ngoại (ròng): 21.3 tỷ

UPCOM-INDEX **76.38**

Giá trị: 288.06 tỷ

-0.39 (-0.51%)

Khối ngoại (ròng): -7.14 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	76.5	-0.35%
Giá vàng	1,886	1.00%
Tỷ giá USD/VND	23,570	-0.44%
Tỷ giá EUR/VND	25,229	-0.25%
Tỷ giá JPY/VND	176	0.39%
LS liên NH 1 tháng	7.1%	0.22%
LS TPCP 5 năm	4.1%	0.00%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
HPG	98.01	STB	-53.39
SSI	88.68	E1VFN30	-19.38
VHM	87.22	NLG	-18.56
POW	82.17	FUESSVFL	-17.93
HSG	70.53	HCM	-8.45

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường hàng hóa	Trang 2
Hiệu suất PTKT	Trang 3
Thị trường phái sinh	Trang 4
Thống kê thị trường	Trang 5
Danh mục BSC30	Trang 6
Danh mục BSC50	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
Khuyến cáo sử dụng	Trang 9

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá đóng cửa tại ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
3/8/2023	FRT	72.4	85	70	72	5	-0.55%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
3/7/2023	HPG	21.1	24	19.8	21.3	6	0.95%	Có thể tiếp tục mua
3/2/2023	DDV	8.6	10	8	8.6	11	0.00%	Có thể giữ nguyên vị thế
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt			(**) Tiệm cận giá mục tiêu			

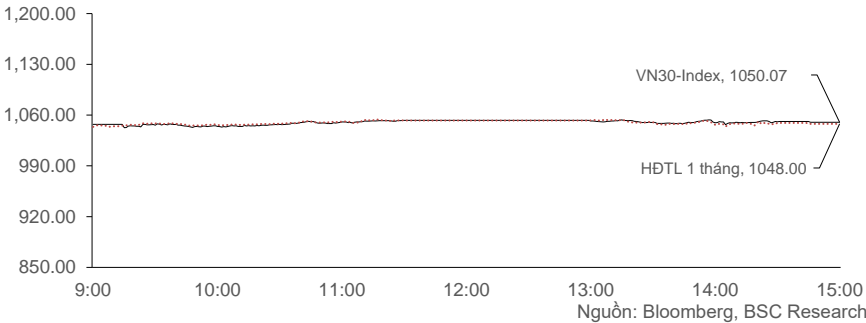
Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá đóng cửa tại ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
31/1/23	DGC	60.3	70	56.6	SL	8	-6.14%
19/12/22	VCS	57.7	70.5	53.3	SL	46	-7.63%
16/12/22	IJC	14.2	18	13	SL	4	-8.45%
18/8/22	PTB	67.8	77	64	SL	21	-5.60%
5/8/22	DRC	29.5	34	28.2	SL	54	-4.41%
4/8/22	VTP	62.3	70	58.5	SL	46	-6.10%
7/18/22	GVR	23.2	23.5	21.9	TP	65	1.29%
27/6/22	DBC	19.45	24	18.25	TP	9	23.39%
6/6/2022	NT2	25.1	28.5	23.5	TP	8	13.55%
1/6/2022	PC1	38.5	43.3	35.2	TP	7	12.47%
25/5/22	FRT	82.7	103.9	76.3	TP	26	25.63%
19/5/22	DCM	31.4	40	28	TP	14	27.39%
Chú thích: Danh sách thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất:					TP - Đã chốt lời	SL - Đã cắt lỗ	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất khuyến nghị lãi	Hiệu suất khuyến nghị lỗ	Hiệu suất bình quân	Số ngày nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	2	1	0.47%	-0.55%	0.13%	7
Cổ phiếu đã chốt	251	231	7.01%	-7.47%	3.98%	23

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2309	1038.10	-0.18%	-11.97	-32.4%	46	9/21/2023	194
VN30F2304	1046.00	0.38%	-4.07	106.3%	7,819	4/20/2023	40
VN30F2303	1048.00	-0.17%	-2.07	-5.0%	319,609	3/16/2023	5
VN30F2306	1038.20	-0.09%	-11.87	-6.3%	163	6/15/2023	96

Source: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 tăng 2.87 điểm lên 1050.07 điểm, biên độ dao động 12.39 điểm. Các cổ phiếu như VPB, VHM, VRE, MSN, và NVL đã tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 đảo chiều thành công từ giữa phiên sáng và đóng cửa trong sắc xanh. Thanh khoản thị trường nằm trên đường MA20 và tăng 25% so với phiên trước, cho thấy tín hiệu của dòng tiền chảy vào thị trường. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong phiên.
- Các HĐTL giảm theo nhịp vận động của VN30, chỉ riêng VN30F2304 biến động ngược chiều. Xét về khối lượng, VN30F2304 tăng, các hợp đồng còn lại đều giảm. Xét về vị thế mở, VN30F2304 tăng, các hợp đồng còn lại đều giảm.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CVRE2211	3/28/2023	15	8:1	355,400	45.50%	1,000	160	60.00%	76	2.10	31,448	28,888	29,100
CVPB2214	9/5/2023	176	4:1	1,025,600	38.81%	1,100	1,130	21.51%	705	1.60	20,880	17,000	19,400
CVRE2216	8/31/2023	171	4:1	410,900	45.50%	1,650	580	20.83%	641	0.90	33,880	31,000	29,100
CVPB2212	8/31/2023	171	2.66:1	524,400	38.81%	1,700	360	20.00%	162	2.22	25,710	24,644	19,400
CVPB2301	9/27/2023	198	4:1	116,100	38.81%	1,000	960	17.07%	419	2.29	23,240	19,800	19,400
CVHM2220	11/1/2023	233	5:1	100,700	35.95%	3,000	780	16.42%	257	3.03	62,450	58,000	44,750
CMSN2215	9/5/2023	176	10:1	32,600	41.43%	2,600	760	10.14%	436	1.74	114,500	102,000	84,500
CVRE2219	6/6/2023	85	3:1	570,600	45.50%	1,050	490	6.52%	707	0.69	31,040	29,000	29,100
CHPG2221	3/31/2023	18	4:1	3,821,100	49.88%	1,000	10	0.00%	22	0.45	25,320	25,000	21,100
CPOW2204	3/28/2023	15	5:1	45,100	40.83%	1,000	70	0.00%	18	3.84	14,729	13,979	13,150
CPOW2209	4/10/2023	28	4:1	2,400	40.83%	1,000	50	0.00%	3	17.13	16,853	16,333	13,150
CFPT2212	6/6/2023	85	10:1	40,200	26.22%	1,870	1,150	0.00%	1,088	1.06	84,400	70,000	78,900
CMSN2209	3/28/2023	15	19.8:1	200,000	41.43%	1,400	20	0.00%	0	1,373.22	113,795	111,413	84,500
CVHM2215	3/31/2023	18	6:1	600	35.95%	2,100	10	0.00%	0	4,846.68	60,240	60,000	44,750
CMBB2211	8/31/2023	171	4:1	136,300	40.03%	1,200	140	0.00%	48	2.89	27,640	27,000	17,500
CVIB2201	9/5/2023	176	1.91:1	5,300	39.80%	2,400	2,280	-1.30%	1,671	1.36	25,243	20,500	20,700
CHPG2226	9/5/2023	176	2:1	14,500	49.88%	2,300	2,250	-1.75%	2,009	1.12	23,980	19,500	21,100
CPOW2210	6/6/2023	85	1:1	106,300	40.83%	1,870	960	-2.04%	1,046	0.918	13,980	13,000	13,150
CFPT2210	8/31/2023	171	10:1	106,100	26.22%	2,350	460	-2.13%	266	1.73	96,700	90,000	78,900
CACB2207	3/31/2023	18	4:1	392,100	35.56%	1,100	140	-22.22%	138	1.02	26,660	25,500	24,500
Tổng				8,006,300	39.89%**								

Chú thích: Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
**Trung bình độ lệch chuẩn

CR: Tỷ lệ chuyển đổi
Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn
***Giá lý thuyết** được tính theo công thức Black-Scholes

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 13/3/2023, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.
- CHPG2221 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 17.88%. Giá trị giao dịch giảm -12%. CHPG2221 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 17.88%.
- CSTB2215, CVNM2207, CVRE2211, và CTPB2204 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CHDB2208, CVNM2207, CSTB2215, và CMSN2212 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CSTB2224, CSTB2225, CVNM2211, và CSTB2222 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VHM	44.75	4.43	2.07	3.23MLN
VPB	19.40	6.01	1.86	41.36MLN
VRE	29.10	3.93	0.64	4.12MLN
GAS	108.10	1.03	0.53	347000
SAB	187.00	0.75	0.23	353500

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
BID	46.25	-1.91	-1	933700.00
VCB	91.50	-0.65	-1	759200
HVN	13.00	-6.81	-1	2.43MLN
STB	25.00	-3.85	0	29.61MLN
TCB	26.75	-1.47	0	3.11MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

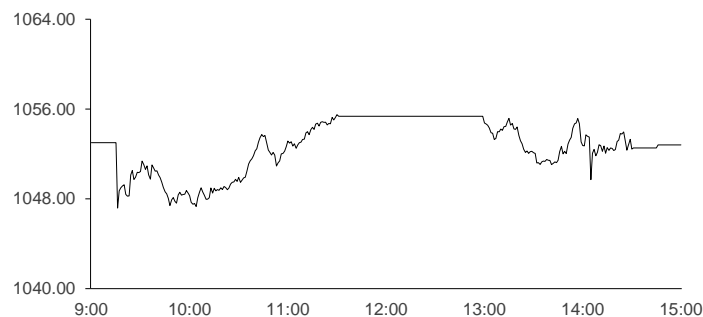
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
LEC	5.68	6.97	0.00	3000.00
VFG	35.90	6.85	0.02	300
SVI	54.70	6.84	0.01	400
HQC	3.63	6.76	0.03	21.51MLN
SFC	16.75	6.69	0.00	1000

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BID	46.25	-1.91	-1.14	933700
VCB	91.50	-0.65	-0.71	759200
HVN	13.00	-6.81	-0.53	2.43MLN
STB	25.00	-3.85	-0.47	29.61MLN
TCB	26.75	-1.47	-0.35	3.11MLN

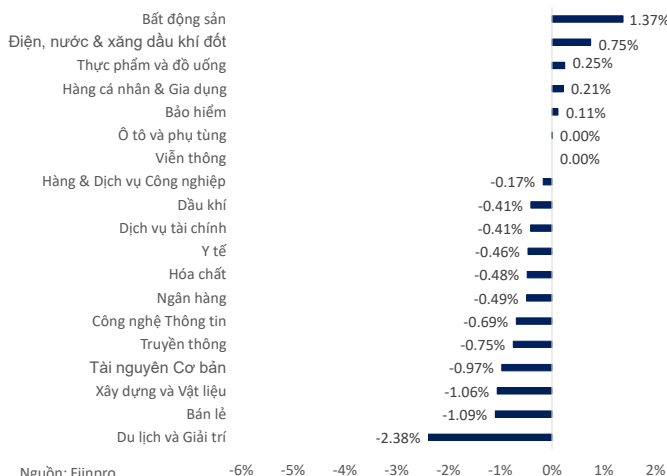
Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 1
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3
Vận động ngành



Nguồn: Fiipro

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
KSF	42.80	0.71	0.07	39400.00
DNP	24.00	2.13	0.07	400
NTH	53.90	10.00	0.05	2300
VIT	19.40	3.74	0.03	4000.00
CLM	70.40	5.23	0.03	100

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BAB	14.30	-2.72	-0.48	5700
IDC	39.10	-1.76	-0.27	2.73MLN
SHS	8.50	-2.30	-0.25	8.72MLN
THD	39.50	-0.75	-0.17	6800
NVB	16.00	-1.23	-0.17	29100

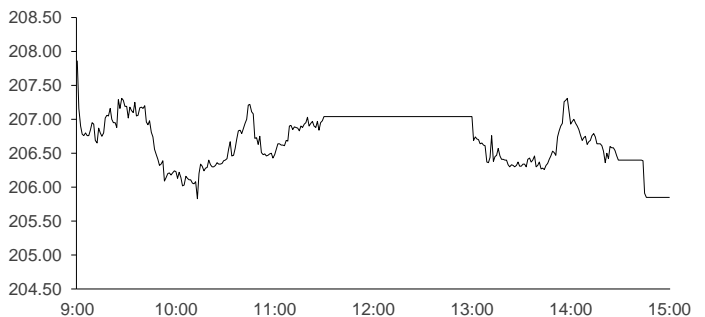
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NTH	53.90	10.0	0.05	2300
SAF	60.50	10.0	0.02	100
SPI	2.20	10.0	0.01	151300
SHE	10.00	9.9	0.00	300
NBW	26.70	9.0	0.01	800

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

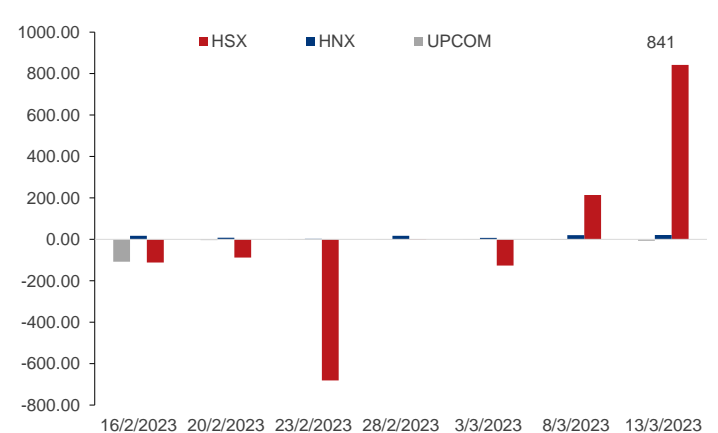
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CTC	1.80	-10.00	0.00	261300
KHS	15.30	-10.00	-0.01	100
HAT	24.60	-9.89	-0.01	100
TMB	22.90	-9.84	-0.02	11600
MEL	6.50	-9.72	-0.01	4200

Hình 2
HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 4
Giao dịch khối ngoại

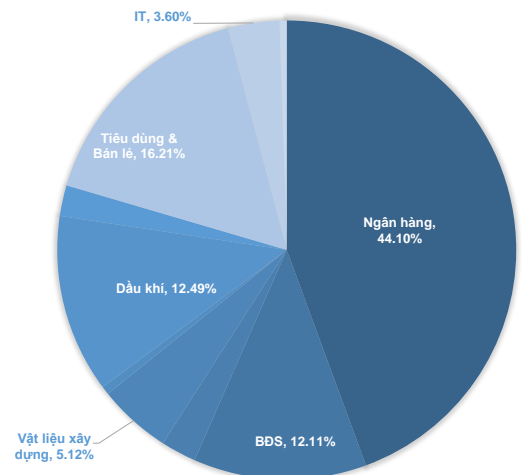


Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	ROE
VCB	Ngân hàng	91.5	-0.7%	0.8	18,827	3.0	7,311	12.5	105,000	23.6%	24.2%
BID	Ngân hàng	46.3	-1.9%	1.0	10,172	1.9	4,208	11.0	54,578	17.3%	19.9%
CTG	Ngân hàng	29.3	0.3%	1.2	6,122	2.4	-	-	-	28.1%	16.9%
VPB	Ngân hàng	19.4	6.0%	1.2	5,662	34.3	-	-	-	17.6%	20.7%
ACB	Ngân hàng	24.5	-1.6%	1.1	3,598	4.3	4,640	5.3	26,000	30.0%	26.5%
MBB	Ngân hàng	17.5	-1.4%	1.1	3,450	6.5	4,603	3.8	24,600	23.2%	25.8%
STB	Ngân hàng	25.0	-3.8%	1.4	2,049	32.6	4,880	5.1	31,200	29.2%	13.8%
SSI	Chứng khoán	19.7	-0.8%	1.8	1,281	17.5	N/A	-	-	42.8%	9.3%
GVR	BĐS KCN	15.0	-0.3%	1.8	2,600	1.7	1,217	12.3	19,100	0.5%	7.9%
HPG	Vật liệu xây dựng	21.1	-0.9%	1.0	5,334	19.2	1,916	11.0	25,000	23.4%	9.1%
HSG	Vật liệu xây dựng	16.2	-1.2%	2.1	421	14.1	1,896	8.5	18,500	10.6%	-10.0%
VHM	BĐS	44.8	4.4%	0.9	8,472	6.2	5,227	8.6	68,300	23.9%	21.3%
VRE	BĐS	29.1	3.9%	0.4	2,875	5.2	1,576	18.5	31,800	32.5%	8.7%
NLG	BĐS	24.4	-3.6%	1.5	407	1.8	2,557	9.5	38,700	44.9%	5.8%
DPM	Phân bón	34.2	-1.0%	1.5	581	1.4	14,120	2.4	42,000	18.4%	45.7%
GAS	Dầu khí	108.1	1.0%	0.8	8,996	1.6	6,793	15.9	122,300	3.0%	26.7%
PLX	Dầu khí	38.1	-0.3%	0.8	2,102	1.1	2,625	14.5	42,000	18.1%	6.0%
BSR	Dầu khí	16.1	-1.8%	1.6	2,170	4.0	2,292	7.0	18,400	41.1%	33.2%
PVS	Dầu khí	26.1	-1.1%	1.3	542	5.5	1,340	19.5	31,100	20.4%	6.0%
PVT	Dầu khí	21.0	1.2%	1.3	296	1.5	2,929	7.2	24,300	18.3%	14.9%
POW	Tiện ích	13.2	1.5%	1.2	1,339	7.9	993	13.2	13,000	6.3%	6.4%
REE	Tiện ích	68.6	0.6%	0.8	1,060	0.7	7,698	8.9	85,000	49.0%	18.7%
VNM	Tiêu dùng	76.9	0.0%	0.4	6,988	6.1	3,895	19.7	87,600	55.8%	24.1%
MSN	Tiêu dùng	84.5	0.7%	1.2	5,231	5.9	2,605	32.4	96,000	30.6%	12.1%
MWG	Bán lẻ	39.4	-0.9%	1.3	2,507	2.3	3,456	11.4	55,200	49.0%	18.5%
PNJ	Bán lẻ	80.2	1.5%	0.8	1,144	1.5	7,475	10.7	95,000	49.0%	24.7%
FRT	Bán lẻ	70.8	-1.7%	1.3	365	1.4	2,965	23.9	77,100	29.0%	21.3%
VHC	Thủy sản	56.0	-1.6%	1.2	446	0.8	12,800	4.4	67,500	30.5%	29.7%
GMD	Logistics	50.3	-1.4%	0.7	659	0.4	7,059	7.1	57,000	48.8%	13.8%
FPT	Công nghệ	78.9	-0.8%	0.8	3,763	3.0	5,901	13.4	91,900	49.0%	24.8%

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Ho Chi Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.



Danh mục BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
TCB	Ngân hàng	26.8	-1.5%	1.4	4,091	3.6	5,737	4.7	0.8	22.5%	19.7%
BVH	Bảo hiểm	49.5	0.6%	1.0	1,598	1.0	2,059	24.0	1.8	27.3%	7.4%
VND	Chứng khoán	14.5	0.0%	2.1	768	11.8	1,003	14.5	1.2		10.0%
FTS	Chứng khoán	19.2	0.0%	2.2	163	0.9	1,672	11.5	1.1	25.0%	10.1%
CII	Xây dựng	13.9	2.6%	1.8	152	2.6	3,003	4.6	0.6	8.6%	14.2%
CTD	Xây dựng	37.4	-1.4%	1.8	120	0.5	281	133.1	0.3	49.2%	0.3%
HBC	Xây dựng	8.2	-2.0%	1.9	97	0.6	(4,168)		0.9	15.6%	-36.1%
LCG	Xây dựng	12.2	-3.6%	2.0	100	6.5	1,044	11.6	0.9	3.7%	8.0%
BCM	KCN	83.7	-0.1%	0.9	3,767	0.4	1,306	64.1	5.1	2.8%	9.9%
IDC	KCN	39.1	-1.8%	1.6	561	4.7	6,831	5.7	2.4	1.0%	50.1%
VGC	KCN	33.5	-2.9%	1.5	653	0.7	3,855	8.7	2.0	5.3%	23.5%
VCS	Vật liệu	51.2	-1.3%	0.8	356	0.1	6,671	7.7	1.7	3.1%	23.6%
HT1	Vật liệu	14.9	0.0%	1.4	247	0.7	685	21.8	1.1	3.4%	5.1%
BMP	Vật liệu	58.5	-1.0%	0.7	208	0.1	8,505	6.9	1.8	85.6%	28.3%
NKG	Vật liệu	16.4	-1.8%	2.2	188	6.1	(253)		0.8	12.2%	-1.2%
PTB	Vật liệu	40.1	-2.0%	1.0	119	0.3	7,158	5.6	1.0	13.3%	19.5%
NVL	BDS	11.0	3.3%	0.9	933	7.1	1,167	9.4	0.6	5.3%	6.2%
DIG	BDS	11.6	-1.7%	2.4	308	3.5	250	46.4	0.9	5.1%	2.0%
IJC	BDS	12.6	-0.4%	2.1	137	1.8	1,914	6.6	0.8	6.2%	13.5%
SCR	BDS	6.6	0.8%	1.9	113	1.9	127	51.7	0.5	0.5%	1.0%
VEA	Ô tô	37.8	-0.8%	0.5	2,184	0.1	4,320	8.8	2.1	5.1%	23.7%
DCM	Phân bón	24.2	1.7%	1.4	556	4.0	7,702	3.1	1.2	10.0%	45.2%
PVD	Dầu khí	21.9	0.0%	1.5	529	2.7	(0)		0.9	23.2%	-0.7%
PLC	Dầu khí	32.8	-1.2%	1.8	115	0.7	1,649	19.9	2.1	1.3%	10.2%
DRC	Săm & Lốp xe	22.3	-0.4%	1.3	115	0.1	2,586	8.6	1.4	8.5%	16.7%
GEX	Tiện ích	12.3	-0.8%	1.8	455	3.5	446	27.6	0.9	10.8%	3.1%
NT2	Tiện ích	29.3	-1.0%	0.8	367	0.8	2,457	11.9	1.9	16.1%	16.3%
VSH	Tiện ích	38.8	0.3%	0.7	399	0.1	5,354	7.2	1.8	11.7%	28.0%
HDG	Tiện ích	29.6	-2.8%	1.5	315	0.9	4,599	6.4	1.3	20.2%	22.7%
PC1	Tiện ích	27.5	-1.8%	1.3	323	2.0	1,664	16.5	1.5	6.8%	9.2%
HND	Tiện ích	14.0	0.0%	0.5	304	0.0	911	15.4	1.1	0.0%	6.9%
QTP	Tiện ích	14.9	-0.7%	0.6	292	0.1	1,284	11.6	1.1	0.9%	9.4%
GEG	Tiện ích	14.6	-0.3%	1.0	204	0.4	1,193	12.2	1.3	46.4%	8.1%
PPC	Tiện ích	15.3	0.0%	0.7	213	0.1	1,162	13.2	1.0	13.0%	7.5%
OIL	Tiện ích	9.1	-1.1%	1.5	409	0.3	507	17.9	0.9	6.1%	5.4%
DHC		41.0	-1.1%	0.6	143	0.3	4,670	8.8	1.9	34.9%	22.0%
SAB	F&B, Bán lẻ	187.0	0.8%	0.2	5,214	2.9	8,006	23.4	5.2	62.6%	23.6%
QNS	F&B, Bán lẻ	38.5	-1.3%	0.5	597	0.2	4,226	9.1	1.6	0.195	17.5%
DBC	F&B, Bán lẻ	13.7	-3.2%	2.0	144	1.1	621	22.1	0.7	6.0%	3.2%
PET	F&B, Bán lẻ	21.2	-2.3%	2.3	91	0.3	1,582	13.4	1.1		7.4%
HAG	F&B, Bán lẻ	7.5	-2.0%	1.4	302	2.6	1,252	6.0	1.4	2.4%	24.8%
ANV	Thủy sản	31.8	-1.2%	1.6	184	1.5	5,299	6.0	1.4	6.2%	25.8%
VJC	Logistics	100.7	0.1%	0.2	2,371	1.3	(4,010)		3.8	17.3%	-14.0%
HVN	Logistics	13.0	-6.8%	1.2	1,252	1.4	(4,720)			5.9%	
SCS	Logistics	69.0	-2.8%	0.3	282	0.2	6,883	10.0	4.8	29.8%	50.9%
VSC	Logistics	29.5	-1.8%	0.4	156	0.4	2,592	11.4	1.3	3.1%	12.9%
VTP	Logistics	26.6	-2.2%	1.0	131	0.5	2,252	11.8	2.3	15.7%	20.1%
HAH	Logistics	33.5	-1.8%	1.0	102	1.0	10,224	3.3	1.0	10.2%	40.1%
CTR	Công nghệ	56.3	-1.2%	1.2	280	0.2	3,885	14.5	4.0	10.9%	30.3%
TNG	Dệt may	18.4	0.5%	1.7	84	1.9	2,835	6.5	1.2	11.9%	17.9%

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2023_VN_Trong nguy có cơ	x		Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook 2023		x	Click
3	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 01.2023	x		Click
4	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2022		x	Click
5	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2019	x		Click
6	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
7	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 9.2021	x		Click
8	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2022	x		Click
9	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2022		x	Click
10	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2022	x		Click
11	BSC_Vĩ mô Thị trường Quý II 2022	x		Click
12	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2022	x		Click
13	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2022		x	Click
14	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2022	x		Click
15	Triển vọng ngành Thủy sản 2022		x	Click
16	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 3.2022	x		Click
17	Triển vọng ngành Dệt May 2022		x	Click
18	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 2.2022	x		Click
19	Triển vọng ngành dầu khí 2022		x	Click
20	BSC_Vietnam Sector Outlook 2022		x	Click
21	Cơ hội từ Đầu tư công (lần 3)	x		Click
22	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 1.2022	x		Click
23	BSC_Vietnam Marco Market Outlook 2022	x		Click
24	Ngành Phân bón_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
25	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 11.2021	x		Click
26	Ngành Ngân hàng_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
27	Chuyển dịch hàng hóa CN nặng & Cơ hội TTCK	x		Click
28	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	Click
29	BSC_Vĩ Mô & Thị trường Tháng 10.2021	x		Click
30	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		Click
31	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý III 2021	x		Click
32	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
33	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
34	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
35	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
36	Covid lần sóng thứ 4	x		Click
37	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
38	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
39	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
40	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
41	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
42	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
43	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
44	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639

